

Số: 35/ĐP-BQHCD

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG  
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức : Công ty cổ phần Đạt Phương  
- Mã chứng khoán : DPG  
- Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Handico, khu đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam  
- Điện thoại : 0243 7830856  
- Fax : 0243 7830859  
- Người thực hiện công bố thông tin : Lê Thị Hà  
- Chức vụ : Trưởng ban quan hệ cổ đông

Loại thông tin công bố : X định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần Đạt Phương (DPG) công bố thông tin:

- + Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2018.
- + Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2018.
- + Giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4.2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Đạt Phương [www.datphuong.com.vn](http://www.datphuong.com.vn) vào ngày 18/01/2019 tại mục “Quan hệ cổ đông”.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2018.
- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2018;
- CV số 34/ĐP-TCKT ngày 18/01/2019 v/v giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4/2018.

**Đại diện tổ chức**  
Người thực hiện công bố thông tin  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Lê Thị Hà

**ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37830856 Fax: 024.37830859

Mã số thuế: 0101218757

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

**Quý 4 Năm 2018**

*Hà Nội, tháng 01 năm 2019*



## **MỤC LỤC**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 4 Năm 2018**

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.37830856

Fax: 024.37830859

Mã số thuế : 0101218757

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.447.823.743.475</b>	<b>1.436.083.841.594</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>436.040.099.208</b>	<b>498.813.077.255</b>
1. Tiền	111		177.012.251.706	267.855.602.838
2. Các khoản tương đương tiền	112		259.027.847.502	230.957.474.417
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>235.442.500</b>	<b>235.442.500</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	205.442.500	205.442.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	30.000.000	30.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>793.637.758.241</b>	<b>824.162.184.132</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	670.195.732.868	782.167.284.917
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	70.726.602.640	29.203.274.363
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	52.715.422.733	12.791.624.852
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>204.952.388.253</b>	<b>99.007.652.934</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	204.952.388.253	99.007.652.934
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.958.055.273</b>	<b>13.865.484.773</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	619.548.360	288.735.338
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.338.506.913	13.576.749.435
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>741.465.373.434</b>	<b>625.195.383.058</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>37.500.000.000</b>	<b>59.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	37.500.000.000	59.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>102.005.913.142</b>	<b>128.007.310.742</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	101.058.449.239	128.007.310.742
<i>Nguyên giá</i>	222		318.489.867.580	316.577.289.918
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(217.431.418.341)	(188.569.979.176)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	947.463.903	-
<i>Nguyên giá</i>	228		1.138.944.090	57.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(191.480.187)	(57.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>351.818.181</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	351.818.181
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>589.085.656.000</b>	<b>424.180.656.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	585.358.000.000	422.133.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.047.656.000	2.047.656.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.680.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.873.804.292</b>	<b>13.655.598.135</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.873.804.292	13.655.598.135
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.189.289.116.909</b>	<b>2.061.279.224.652</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.454.793.462.286</b>	<b>1.461.176.761.337</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.304.257.831.907</b>	<b>1.181.706.453.259</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	265.810.095.846	221.661.344.696
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	421.521.253.713	214.085.788.028
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	20.429.249.862	30.420.089.153
4. Phải trả người lao động	314		12.328.640.969	13.733.463.766
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	35.866.549.999	75.320.422.698
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		200.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	34.255.872.768	61.517.701.405
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	480.742.082.335	524.220.672.365
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18a	10.344.446.831	14.764.655.519
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	22.759.639.584	25.982.315.629
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>150.535.630.379</b>	<b>279.470.308.078</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	138.238.994.333	256.829.225.201
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18b	12.296.636.046	22.641.082.877
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>734.495.654.623</b>	<b>600.102.463.315</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>734.495.654.623</b>	<b>600.102.463.315</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		299.999.620.000	118.577.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		299.999.620.000	118.577.380.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.341.290.000	49.341.290.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.352.798.365	41.352.798.365
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		343.801.946.258	390.830.994.950
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		185.408.785.350	390.830.994.950
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		158.393.160.908	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.189.289.116.909</b>	<b>2.061.279.224.652</b>

Người lập biểu



Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 năm 2018

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Năm trước	Đơn vị tính: VND	
				Năm nay	Quý 4		Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	765.209.096.079	958.686.995.108	1.967.989.183.275	2.008.991.491.970	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02						
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	765.209.096.079	958.686.995.108	1.967.989.183.275	2.008.991.491.970	
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	622.431.556.025	867.292.489.147	1.669.494.913.916	1.802.998.644.958	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.3	142.777.540.054	91.394.505.961	298.494.269.359	205.992.847.012	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.797.730.703	15.342.344.650	25.718.329.458	32.306.942.636	
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	22.020.335.505	6.940.660.266	56.363.173.741	26.673.009.030	
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		21.046.659.904	6.395.829.075	54.777.519.631	26.128.177.839	
8.	Chi phí bán hàng	25						
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	14.292.106.100	10.162.182.695	47.442.915.437	34.158.139.048	
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		110.262.829.152	89.634.007.650	220.406.509.639	177.468.641.570	
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	5.895.809.734	-	14.315.342.186	3.953.021.701	
12.	Chi phí khác	32	VI.7	37.307.012	21.040.113	104.649.129	169.436.284	
13.	Lợi nhuận khác	40		5.858.502.722	(21.040.113)	14.210.693.057	3.783.585.417	
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		116.121.331.874	89.612.967.537	234.617.202.696	181.252.226.987	
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	23.566.065.421	16.800.663.248	46.224.079.788	32.950.325.093	
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52						
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		92.555.266.453	72.812.304.289	188.393.122.908	148.301.901.894	
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-	-	-	
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-	-	-	

Người lập biểu



Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2019



Phạm Quang Bình



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		234.617.202.696	181.252.226.987
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	38.382.785.226	39.705.309.534
- Các khoản dự phòng	03		(14.764.655.519)	(3.988.360.065)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(44.138.054.027)	(37.135.359.527)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	54.777.519.631	26.128.177.839
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		268.874.798.007	205.961.994.768
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(117.109.216.516)	(314.718.711.105)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(105.944.735.319)	42.077.565.623
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		246.422.735.987	(100.075.075.854)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		450.980.821	4.411.411.743
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(54.681.901.137)	(26.128.177.839)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(54.443.923.656)	(23.837.506.719)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(3.222.676.045)	(4.724.826.235)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>180.346.062.142</b>	<b>(217.033.325.618)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(32.855.980.251)	(40.217.526.123)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		111.554.925.317	12.457.574.211
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(57.534.900.000)	(1.290.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		77.354.900.000	1.290.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(163.225.000.000)	(200.134.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.442.412.243	29.903.406.438
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(39.263.642.691)</b>	<b>(197.990.545.474)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	82.219.550.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	776.249.369.847	1.203.427.548.867
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(938.318.190.745)	(735.364.651.178)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18	(41.786.576.600)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(203.855.397.498)</b>	<b>550.282.447.689</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(62.772.978.047)</b>	<b>135.258.576.597</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>498.813.077.255</b>	<b>363.554.500.658</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>436.040.099.208</b>	<b>498.813.077.255</b>

Người lập biểu



Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc


  
 Phạm Quang Bình

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đạt Phương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Bung	Thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh điện năng; Xây dựng các công trình giao thông	61,32%	61,32%	61,32%
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	Số 51-53, Đường số 16, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần 30 – 4 Quảng Ngãi	Lô N1.1-14, KĐT An Phú Sinh, đường Đinh Tiên Hoàng, P. Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện, sản xuất truyền tải và phân phối điện	67,5%	67,5%	67,5%
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Khu tái định cư Tân Thịnh – Tân Mỹ, phường Cẩm An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở	80%	80%	80%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **7. Nhân viên**

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có 421 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm (01/01/2018) là 434 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí} \\ \text{SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Doanh thu phát sinh trong kỳ} + \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở dang cuối kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \text{Khối lượng kiểm kê dở dang} \times \text{Đơn giá trúng} \\ \text{thầu}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 6
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 7
Tài sản cố định khác	3 – 4

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **11. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 5% doanh thu của các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### **12. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **15. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
Tiền mặt	18.860.311	74.248.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	176.993.391.395	267.781.354.638
Các khoản tương đương tiền (là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	259.027.847.502	230.957.474.417
<b>Cộng</b>	<b>436.040.099.208</b>	<b>498.813.077.255</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ (31/12/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (11.607 cổ phiếu)	205.442.500	399.280.800	205.442.500	295.978.500

#### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>1.680.000.000</b>	<b>1.680.000.000</b>	-	-
Trái phiếu(*)	1.680.000.000	1.680.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>1.710.000.000</b>	<b>1.710.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>

(\*) Là khoản trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ngày 28/12/2018, tổng mệnh giá 1.680.000.000 VND. Kỳ hạn trái phiếu là 8 năm với lãi suất cố điều chỉnh định kỳ và xác định bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng TMCP lớn nhất tham chiếu +0,8%/ năm. Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ.

#### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ (31/12/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>585.358.000.000</b>		<b>422.133.000.000</b>	
Công ty Cổ phần Sông Bung <sup>(i)</sup>	116.508.000.000		116.508.000.000	
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn <sup>(ii)</sup>	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi <sup>(iii)</sup>	311.850.000.000		212.625.000.000	
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An <sup>(iv)</sup>	152.000.000.000		88.000.000.000	
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>2.047.656.000</b>		<b>2.047.656.000</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai <sup>(v)</sup>	2.047.656.000		2.047.656.000	
<b>Cộng</b>	<b>587.405.656.000</b>		<b>424.180.656.000</b>	

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01030542893 ngày 09 tháng 3 năm 2009, thay đổi lần 12 ngày 14 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Bung 116.508.000.000 VND, tương đương 61,32% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310295378 ngày 01 tháng 09 năm 2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iii) Trong kỳ, Công ty mua thêm 6.750.000 cổ phần của Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi nâng tổng số cổ phần Công ty sở hữu tại ngày 31/12/2018 của công ty này đạt 31.185.000 cổ phần, tương

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

đương 67,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần 30 – 4 Quảng Ngãi (vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4300506732 thay đổi lần 7 ngày 28 tháng 12 năm 2018 là 462.000.000.000 đồng).

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4001115346 ngày 10 tháng 7 năm 2017, thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An 152.000.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ (Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2018 của Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An là 190.000.000.000 đồng).
- (v) Tại ngày 31/12/2018, Công ty nắm giữ 255.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai, tương đương 0,4% vốn điều lệ (Tại ngày 01/01/2018 là 255.900 cổ phiếu).

### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi hiện đã phát điện từ tháng 9/2018, Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, đã bắt đầu mở bán các sản phẩm của dự án. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Quý 4 năm 2018	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
<b>Công ty Cổ phần Sông Bung</b>		
Doanh thu bán vật tư	4.502.756.798	21.906.841.850
Doanh thu cho thuê thiết bị	20.000.000	828.086.669
Mua khối lượng xây lắp của Sông Bung	22.665.275.892	78.646.933.197
Chi phí thuê vật tư, thiết bị của Sông Bung	614.104.280	2.188.963.818
Nhận cổ tức được chia từ Sông Bung	-	11.650.800.000
Mua TSCĐ từ Sông Bung	3.430.140.943	3.430.140.943
Mua CCDC từ Sông Bung (2422)	46.426.146	46.426.146
<b>Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn</b>		
Doanh thu bán vật tư	-	7.190.760.368
Doanh thu cho thuê thiết bị	-	384.552.786
Mua khối lượng xây lắp của ĐP Sài Gòn	22.328.963.415	40.962.131.342
Chi phí thuê vật tư, thiết bị của ĐP Sài Gòn	655.608.860	2.638.543.435
Lãi cho Công ty con vay	154.048.104	1.053.896.292
<b>Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi</b>		
Doanh thu thi công cho Công ty con	66.851.535.057	215.770.335.967
Góp vốn vào Công ty con	67.500.000.000	99.225.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An</b>		
Doanh thu cho thuê thiết bị cho ĐP Hội An	123.000.000	406.187.500
Doanh thu XL hạ tầng khu Vững Nhi	10.071.410.727	175.407.740.740
Doanh thu XL nhà ở khu Vững Nhi	23.050.254.865	31.757.758.808

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Quý 4 năm 2018</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Doanh thu chuyển nhượng các KĐT	102.992.259.581	149.006.995.581
Mua giá trị hỗ trợ đầu tư từ công ty con	418.636.365	1.729.018.183
Góp vốn vào Công ty con	64.000.000.000	64.000.000.000
Lãi cho Công ty con vay	1.048.327.778	4.967.566.666

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>134.849.673.675</b>	<b>81.687.986.770</b>
Công ty Cổ phần Sông Bung	2.220.865.646	2.608.532.597
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	-	-
Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi	84.336.728.913	37.743.428.350
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	48.292.079.116	41.336.025.823
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>535.346.059.193</b>	<b>700.479.298.147</b>
Ban quản lý khu kinh tế mở Chu Lai <sup>(*)</sup>	166.574.854.000	253.533.142.000
Công ty TNHH B.O.T Quốc lộ 1 Sóc Trăng	42.343.975.568	79.833.975.568
Các khách hàng khác	326.427.229.625	367.112.180.579
<b>Cộng</b>	<b>670.195.732.868</b>	<b>782.167.284.917</b>

(\*) Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại, sẽ được hoàn trả bằng quỹ đất theo hình thức đổi đất lấy cơ sở hạ tầng. Quỹ đất được hoàn trả gồm Khu đô thị Đồng Nà (Bến Trê), thành phố Hội An: 6ha; Khu đô thị Võng Nhi, thành phố Hội An: 15ha; Khu đô thị Cồn Tiến, thành phố Hội An: 30ha; Khu đô thị Nổi Rang, huyện Duy Xuyên: 25ha; Khu đô thị ven biển xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam: 230ha. Trong năm 2018, đã hoàn trả và làm thủ tục đổi trừ giá trị quyền sử dụng đất của Khu đô thị Võng Nhi.

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>
<b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>		<b>4.023.345.615</b>
Công ty Cổ phần Sông Bung		4.023.345.615
<b><i>Trả trước cho các người bán khác</i></b>	<b>70.726.602.640</b>	<b>25.179.928.748</b>
Công ty TNHH xây dựng Phú Vinh	47.893.042.000	
Các nhà cung cấp khác	22.833.560.640	25.179.928.748
<b>Cộng</b>	<b>70.726.602.640</b>	<b>29.203.274.363</b>

### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn

#### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

#### 5b. Phải thu về cho vay dài hạn:

	<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>-</b>	<b>59.000.000.000</b>
Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An	-	59.000.000.000
<b><i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty cổ phần đầu tư Phương Nam	37.500.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>59.000.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khoản cho Công ty Cổ phần đầu tư Phương Nam vay, số tiền 37.500.000.000 VND với lãi suất 9%/năm. Thời hạn vay tối đa là 8 năm kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2018. Khoản vay được đảm bảo bằng 3.800.000 cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư Phương Nam của ông Nguyễn Văn Phương.

### 6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ (31/12/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>			<b>1.756.934.169</b>	
Công ty cổ phần Sông Bung			-	
Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An			1.756.934.169	
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn				
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>52.715.422.733</b>		<b>11.034.690.683</b>	
Tạm ứng	42.154.850.251		10.134.609.870	
Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm	527.722.684		367.409.149	
Phải thu về cổ tức được chia	-		108.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.032.849.798		424.671.664	
<b>Cộng</b>	<b>52.715.422.733</b>		<b>12.791.624.852</b>	

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ (31/12/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu				
Công cụ, dụng cụ	40.916.000		55.424.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang <sup>(*)</sup>	204.911.472.253		98.952.228.934	
<b>Cộng</b>	<b>204.952.388.253</b>		<b>99.007.652.934</b>	

(\*) Chi tiết từng công trình như sau:

Công trình	Số cuối kỳ (31/12/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án Nam Quảng Nam (Hội An)	85.136.837.484		28.011.540.988	
DA quốc lộ 10_Hải Phòng (cầu Niệm 2)	22.878.138.298		12.911.634.139	
Đường trung tâm đoạn 3, Bãi Trường, Phú Quốc	21.407.693.247		6.726.954.154	
Cầu Đê Vĩng	13.772.924.698		10.077.222.876	
Đường khu đô thị Thủ Thiêm	10.219.182.967		-	
Cầu số 19 - Khu đô thị mới Thủ Thiêm	9.842.032.317		-	
Đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại (gói 3.5A Cửa Đại)	4.780.613.493		14.933.540.625	
Dự án đường Ô tô Trường Hải	4.053.259.282		692.997.089	
Kênh dẫn phụ và đường ĐH83 DA thủy điện Sơn Trà	3.763.435.241		-	
Đường BT Chu Văn An	3.025.051.447		2.127.723.456	
Công trình cầu Văn Úc - Hải Phòng	2.955.780.212		431.343.069	
Gói 84 Cầu Vĩnh Long	2.805.858.978		110.342.000	



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Công trình</b>	<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>
Xây dựng hầm chui An Sương	2.671.736.332	291.485.346
Nút giao Nam cầu Bính, Hải Phòng	2.560.331.290	-
Cầu Tân An, tỉnh Long An	2.322.024.094	-
Các công trình khác	12.716.572.873	22.637.445.192
<b>Cộng</b>	<b>204.911.472.253</b>	<b>98.952.228.934</b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**

**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	127.019.928	
Chi phí bảo hiểm	175.850.565	283.235.338
Chi phí thuê nhà	226.720.500	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	89.957.367	5.500.000
<b>Cộng</b>	<b>619.548.360</b>	<b>288.735.338</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	6.441.519.781	11.955.644.995
Chi phí bảo hiểm	14.667.993	
Chi phí sửa chữa	2.512.704.047	1.663.022.118
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.904.912.471	36.931.022
<b>Cộng</b>	<b>12.873.804.292</b>	<b>13.655.598.135</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm (01/01/2018)	478.825.050	249.395.334.758	60.512.688.563	255.986.669	5.934.454.878	316.577.289.918
Mua trong năm	-	9.957.177.624	846.969.607	312.572.727	1.096.882.182	12.213.602.140
Đầu tư XD CB hoàn thành		894.790.000				894.790.000
Thanh lý, nhượng bán		(6.811.175.134)	(4.384.639.344)	-	-	(11.195.814.478)
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>478.825.050</b>	<b>253.436.127.248</b>	<b>56.975.018.826</b>	<b>568.559.396</b>	<b>7.031.337.060</b>	<b>318.489.867.580</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	478.825.050	69.391.542.973	14.399.473.308	100.649.669	1.767.727.607	86.138.218.607
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm (01/01/2018)	478.825.050	147.061.295.863	37.290.708.756	150.274.304	3.588.875.203	188.569.979.176
Khấu hao trong năm		28.647.494.647	8.130.847.863	89.556.315	1.380.406.214	38.248.305.039
Thanh lý, nhượng bán		(5.002.226.530)	(4.384.639.344)			(9.386.865.874)
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>478.825.050</b>	<b>170.706.563.980</b>	<b>41.036.917.275</b>	<b>239.830.619</b>	<b>4.969.281.417</b>	<b>217.431.418.341</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm (01/01/2018)	-	102.334.038.895	23.221.979.807	105.712.365	2.345.579.675	128.007.310.742
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>-</b>	<b>82.729.563.268</b>	<b>15.938.101.551</b>	<b>328.728.777</b>	<b>2.062.055.643</b>	<b>101.058.449.239</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 198.640.412.729 VND và 76.707.435.249 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	57.000.000	57.000.000
Tăng trong kỳ	1.081.944.090	1.081.944.090
Giảm trong kỳ		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.138.944.090</b>	<b>1.138.944.090</b>
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	57.000.000	57.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	57.000.000	57.000.000
Tăng trong kỳ	134.480.187	134.480.187
Giảm trong kỳ		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>191.480.187</b>	<b>191.480.187</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>947.463.903</b>	<b>947.463.903</b>
<i>Trong đó:</i>		
Tạm thời không sử dụng		
Đang chờ thanh lý		

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm (01/01/2018)</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ (31/12/2018)</u>
Mua sắm tài sản cố định	351.818.181	685.125.909	(1.036.944.090)	
Sửa chữa lớn tài sản cố định			-	
<b>Cộng</b>	<b>351.818.181</b>	<b>685.125.909</b>	<b>(1.036.944.090)</b>	

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ (31/12/2018)</u>	<u>Số đầu năm (01/01/2018)</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>76.715.380.667</b>	<b>65.830.712.792</b>
Công ty Cổ phần Sông Bung	53.010.137.383	
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	23.623.143.284	33.380.334.892
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	82.100.000	52.980.000
Ông Lương Tuấn Minh		32.397.397.900
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>189.094.715.179</b>	<b>155.830.631.904</b>
Công ty TNHH BT đúc sẵn & cơ khí Bình Dương	1.897.614.600	20.596.562.662
Các nhà cung cấp khác	187.197.100.579	135.234.069.242
<b>Cộng</b>	<b>265.810.095.846</b>	<b>221.661.344.696</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>(31/12/2018)</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(01/01/2018)</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	421.521.253.713	214.085.788.028
Ban-QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam	336.950.590.000	
Các khách hàng khác	84.570.663.713	214.085.788.028
<b>Cộng</b>	<u><u>421.521.253.713</u></u>	<u><u>214.085.788.028</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm (01/01/2018)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối kỳ (31/12/2018)
Thuế GTGT hàng bán nội địa		30.262.703.938	(30.262.703.938)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.424.605.108	46.224.079.788	(54.443.923.656)	20.204.761.240
Thuế thu nhập cá nhân	1.522.279.495	4.182.610.284	(5.517.707.949)	187.181.830
Thuế tài nguyên	260.465.800	978.815.000	(1.239.280.800)	
Các loại thuế khác		3.000.000	(3.000.000)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	212.738.750	341.164.949	(516.596.907)	37.306.792
<b>Cộng</b>	<b>30.420.089.153</b>	<b>81.992.373.959</b>	<b>(91.983.213.250)</b>	<b>20.429.249.862</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 4 năm 2018	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	116.121.331.874	234.617.202.696
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	980.418.983	7.641.419.996
- Các khoản điều chỉnh tăng	980.418.983	7.641.419.996
<i>Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	34.560.000	138.240.000
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng.</i>	54.589.631	218.358.524
<i>Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	335.063.392	416.471.838
<i>Các khoản chi phí không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	-	1.000.000.000
<i>Các khoản chi không có hóa đơn</i>	85.421.875	5.397.565.549
<i>Giảm chi phí tương ứng doanh thu giảm</i>	470.784.085	470.784.085
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	117.101.750.857	242.258.622.692
Thu nhập được miễn thuế	-	(11.866.800.000)
Thu nhập tính thuế	117.101.750.857	230.391.822.692
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>23.420.350.171</b>	<b>46.078.364.538</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>145.715.250</b>	<b>145.715.250</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>23.566.065.421</b>	<b>46.224.079.788</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### *Thuế tài nguyên*

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác cát và đá với mức thuế suất lần lượt 15% và 10% .

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ (31/12/2018)</u>	<u>Số đầu năm (01/01/2018)</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>35.866.549.999</b>	<b>75.320.422.698</b>
Trích trước chi phí thầu phụ công trình đã thi công tương ứng với phần đã nghiệm thu với chủ đầu tư tại Cầu Tràng Thưa		1.914.491.193
Tạm trích giá vốn chuyển nhượng dự án đầu tư <sup>(*)</sup>	33.615.000.000	71.250.000.000
Dự trả chi phí lãi vay		464.198.172
Dự trả lãi trái phiếu	2.251.549.999	1.691.733.333
Phải trả khác	-	
<b>Cộng</b>	<b><u>35.866.549.999</u></b>	<b><u>75.320.422.698</u></b>

(\*) Tạm tính giá đất thô Khu đô thị Đồng Nà và Khu đô thị Nối Rang theo giá đất tại hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đã được duyệt khi thực hiện dự án xây dựng – chuyển giao cầu Đê Vông.

## 16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ (31/12/2018)</u>	<u>Số đầu năm (01/01/2018)</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>609.427.070</b>	
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	609.427.070	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>33.646.445.698</b>	<b>61.517.701.405</b>
Kinh phí công đoàn	1.084.694.812	770.079.173
BHXH; BHYT; BHTN	10.000.000	-
Thuế TNCN phải trả lại người lao động	1.565.398.259	1.223.903.256
Phải trả các cá nhân về chi phí công trình	204.282.052	793.450.335
Công ty Cổ phần Đầu tư Chu Lai Hội An - Hợp tác kinh doanh	-	40.027.383.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông	29.999.962.000	17.786.607.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	782.108.575	916.278.641
<b>Cộng</b>	<b><u>34.255.872.768</u></b>	<b><u>61.517.701.405</u></b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>(31/12/2018)</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(01/01/2018)</u>
<b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>		<b>1.000.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Phóng <sup>(i)</sup>		1.000.000.000
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>480.742.082.335</b>	<b>523.220.672.365</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long <sup>(ii)</sup>	249.381.485.442	232.567.102.517
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(iii)</sup>	217.716.105.213	259.680.367.424
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 10 TP Hồ Chí Minh <sup>(iv)</sup>	-	6.110.024.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	<u>13.644.491.680</u>	<u>24.863.178.424</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>480.742.082.335</u></b>	<b><u>524.220.672.365</u></b>

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Nguyễn Thị Phóng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất là 8,4%/năm và thời hạn vay 01 năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài sản của các cá nhân có ký hợp đồng cho mượn tài sản để cầm cố (xem thuyết minh VII.1a).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ. Khoản vay này không cần tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP Hồ Chí Minh để thanh toán công nợ với nhà cung cấp và thanh toán đầu tư xây dựng công trình cầu cầu Đê Vọng với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ. Khoản vay này không cần tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u> <u>(01/01/2018)</u>	<u>Số tiền vay phát</u> <u>sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ</u> <u>vay và nợ dài</u> <u>hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả</u> <u>trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u> <u>(31/12/2018)</u>
Vay bên liên quan	1.000.000.000	-	-	(1.000.000.000)	-
Vay ngân hàng	498.357.493.941	770.404.996.535	-	(801.664.899.821)	467.097.590.655
Vay dài hạn đến hạn trả	24.863.178.424	-	13.644.491.680	(24.863.178.424)	13.644.491.680
<b>Cộng</b>	<b><u>524.220.672.365</u></b>	<b><u>770.404.996.535</u></b>	<b><u>13.644.491.680</u></b>	<b><u>(827.528.078.245)</u></b>	<b><u>480.742.082.335</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17b. Vay dài hạn**

	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<i>Vay bên liên quan</i>		
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>10.182.607.500</b>	<b>20.064.056.680</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long <sup>(i)</sup>	2.182.817.500	2.216.686.680
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(ii)</sup>	6.835.790.000	2.708.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm <sup>(iii)</sup>	1.164.000.000	15.139.370.000
<b>Trái phiếu thường dài hạn<sup>(iv)</sup></b>	<b>128.056.386.833</b>	<b>236.765.168.521</b>
<b>Cộng</b>	<b>138.238.994.333</b>	<b>256.829.225.201</b>

- (i) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 1 đến 6 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cộng với lãi suất biên từ 3,2% đến 4,5%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần hoặc khi có sự thay đổi lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 48 tháng và 60 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng hoặc 24 tháng cộng với lãi suất biên từ 2,9% đến 3%. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 05 năm, mệnh giá 1.000.000.000 VND, lãi suất 7,8% đối với năm đầu, các năm sau lãi suất thả nổi, được phát hành cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10 TP Hồ Chí Minh để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty và thanh toán đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 (cầu Đê Vĩng) trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại theo hình thức xây dựng- chuyển giao (BT). Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BT. Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 239.000.000.000 VND. Chi phí phát hành trái phiếu là 2.390.000.000 VND. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện mua lại trái phiếu mệnh giá 110.000.000.000 đồng. Chi phí phát hành trái phiếu đã được phân bổ vào trong kỳ là 837.773.957 VND.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	23.827.099.180	13.644.491.680	10.182.607.500	
Trái phiếu thường	128.056.386.833		128.056.386.833	
<b>Cộng</b>	<b>151.883.486.013</b>	<b>13.644.491.680</b>	<b>138.238.994.333</b>	
<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	44.927.235.104	24.863.178.424	20.064.056.680	
Trái phiếu thường	236.765.168.521		236.765.168.521	
<b>Cộng</b>	<b>281.692.403.625</b>	<b>24.863.178.424</b>	<b>256.829.225.201</b>	



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm (01/01/2018)	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Trả nợ/Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ (31/12/2018)
Vay dài hạn ngân hàng	20.064.056.680	4.553.155.000	14.434.604.180	10.182.607.500
Trái phiếu thường	236.765.168.521	1.291.218.312	110.000.000.000	128.056.386.833
<b>Cộng</b>	<b>256.829.225.201</b>	<b>5.844.373.312</b>	<b>124.434.604.180</b>	<b>138.238.994.333</b>

### 17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

### 18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn

#### 18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến Dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm (01/01/2018)	14.764.655.519
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	10.344.446.831
Số sử dụng	(891.221.502)
Số hoàn nhập	(13.873.434.017)
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>10.344.446.831</b>

#### 18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn liên quan đến Dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm (01/01/2018)	22.641.082.877
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(10.344.446.831)
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>12.296.636.046</b>

### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm (01/01/2018)	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ (31/12/2018)
Quỹ khen thưởng	12.598.681.925		(2.520.705.908)	10.077.976.017
Quỹ phúc lợi	13.383.633.704		(701.970.137)	12.681.663.567
<b>Cộng</b>	<b>25.982.315.629</b>		<b>(3.222.676.045)</b>	<b>22.759.639.584</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	65.876.520.000	60.000.000	33.937.703.270	299.357.547.303	399.231.770.573
Lợi nhuận trong kỳ				148.301.901.894	148.301.901.894
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	19.762.600.000			(19.762.600.000)	
Tạm chia cổ tức năm 2017				(17.786.607.000)	(17.786.607.000)
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	32.938.260.000	49.281.290.000			82.219.550.000
Trích lập các quỹ			7.415.095.095	(19.279.247.247)	(11.864.152.152)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>118.577.380.000</b>	<b>49.341.290.000</b>	<b>41.352.798.365</b>	<b>390.830.994.950</b>	<b>600.102.463.315</b>
Số dư đầu năm nay	118.577.380.000	49.341.290.000	41.352.798.365	390.830.994.950	600.102.463.315
Tăng vốn từ lợi nhuận <sup>(1)</sup>	181.422.240.000	-	-	(181.422.240.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(23.999.969.600)	(23.999.969.600)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	188.393.122.908	188.393.122.908
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(29.999.962.000)	(29.999.962.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>299.999.620.000</b>	<b>49.341.290.000</b>	<b>41.352.798.365</b>	<b>343.801.946.258</b>	<b>734.495.654.623</b>

<sup>(1)</sup> Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2018/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận với tỷ lệ 153%, tương đương với số tiền là 181.422.240.000 VND. Số lượng cổ phiếu phát hành cho từng cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Kết thúc đợt phát hành cổ phiếu, Công ty đã phân phối được 18.142.224 cổ phiếu nâng số lượng cổ phiếu lưu hành lên 29.999.962 cổ phiếu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 20b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.999.962	11.857.738
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.999.962	11.857.738
- Cổ phiếu phổ thông	29.999.962	11.857.738
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.999.962	11.857.738
- Cổ phiếu phổ thông	29.999.962	11.857.738
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 20c. Phân phối lợi nhuận

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2018/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 04 năm 2018 thông qua việc dự kiến chi cổ tức năm 2018 từ 15% đến 20% mệnh giá. Theo đó: Ngày 03/12/2018 Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 56/NQ-ĐP-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 là 10% mệnh giá tương đương: 29.999.962.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi tạm ứng cổ tức này vào tháng 1 năm 2019 theo Nghị quyết.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Doanh thu hợp đồng xây dựng	656.589.507.853	920.921.998.414	1.768.075.044.238	1.760.945.126.999
Doanh thu bán hàng hóa	3.986.938.616	32.931.846.291	47.105.176.384	123.163.460.222
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.640.390.029	4.833.150.403	3.801.967.072	12.107.031.988
Doanh thu chuyển nhượng dự án đầu tư <sup>(*)</sup>	102.992.259.581	-	149.006.995.581	112.775.872.761
<b>Cộng</b>	<b>765.209.096.079</b>	<b>958.686.995.108</b>	<b>1.967.989.183.275</b>	<b>2.008.991.491.970</b>

(\*) Xem Thuyết minh số VI.2

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4 năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	530.659.593.622	833.502.676.937	1.489.874.948.171	1.567.261.851.430
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.986.938.616	32.931.846.291	45.615.503.229	120.543.961.422
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.227.263.787	857.965.919	2.945.016.516	7.404.459.345
Giá vốn chuyển nhượng dự án đầu tư <sup>(*)</sup>	86.557.760.000	-	131.059.446.000	107.788.372.761
<b>Cộng</b>	<b><u>622.431.556.025</u></b>	<b><u>867.292.489.147</u></b>	<b><u>1.669.494.913.916</u></b>	<b><u>1.802.998.644.958</u></b>

(\*) Trong quý 1, Công ty đã chuyển nhượng dự án Khu đô thị Nội Rang cho Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An (Công ty con) thực hiện. Trong quý 4, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất KĐT Vững Nhi cho công ty con theo QĐ tính giá trị quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Quảng Nam.

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4 năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.570.232.803	1.779.348.536	7.606.462.820	6.735.224.737
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	25.122.018	44.754.547	223.603.680	176.810.382
Lãi tiền cho vay	1.202.375.882	1.751.316.667	6.021.462.958	1.751.316.667
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	11.766.924.900	11.866.800.000	23.643.590.850
<b>Cộng</b>	<b><u>3.797.730.703</u></b>	<b><u>15.342.344.650</u></b>	<b><u>25.718.329.458</u></b>	<b><u>32.306.942.636</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Chi phí lãi vay	21.046.659.904	6.395.829.075	54.777.519.631	26.128.177.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	7.605.000	
Chi phí mượn tài sản mang đi thế chấp	973.675.601	544.831.191	1.578.049.110	544.831.191
<b>Cộng</b>	<b><u>22.020.335.505</u></b>	<b><u>6.940.660.266</u></b>	<b><u>56.363.173.741</u></b>	<b><u>26.673.009.030</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Chi phí cho nhân viên	8.597.417.787	7.054.127.519	26.098.432.280	19.497.736.169
Chi phí vật liệu quản lý	39.647.546	43.963.258	163.031.855	243.973.974
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.052.707.394	75.742.211	1.394.365.656	651.712.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	454.180.067	507.758.719	2.081.943.306	1.231.044.714
Thuế, phí và lệ phí	305.522.227	31.151.588	323.020.927	167.184.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.811.331.079	1.763.364.259	16.247.206.766	11.468.466.137
Các chi phí khác	31.300.000	686.075.141	1.134.914.647	898.021.717
<b>Cộng</b>	<b>14.292.106.100</b>	<b>10.162.182.695</b>	<b>47.442.915.437</b>	<b>34.158.139.048</b>

### 6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	30.000.000		397.529.458	17.727.273
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	5.858.171.383		13.873.434.017	3.934.087.156
Thu nhập khác	7.638.351		44.378.711	1.207.272
<b>Cộng</b>	<b>5.895.809.734</b>		<b>14.315.342.186</b>	<b>3.953.021.701</b>

### 7. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định				
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm				112.766.140
Chi phí khác	37.307.012	21.040.113	104.649.129	56.670.144
<b>Cộng</b>	<b>37.307.012</b>	<b>21.040.113</b>	<b>104.649.129</b>	<b>169.436.284</b>

### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 4 năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	204.605.351.797	245.229.043.631	746.333.726.549	612.677.829.963
Chi phí nhân công	27.546.219.914	106.805.756.353	91.183.691.813	215.711.111.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.538.393.149	9.812.111.278	38.445.855.226	39.705.309.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.806.486.158	293.806.221.970	745.081.309.258	791.850.254.552
Chi phí khác	894.274.544	8.246.799.446	13.667.747.330	14.683.396.608
<b>Cộng</b>	<b>432.390.725.562</b>	<b>663.899.932.678</b>	<b>1.634.712.330.176</b>	<b>1.674.627.902.294</b>

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

##### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	VND
• Tăng vốn cổ phần bằng lợi nhuận	: 181.422.240.000
• Bù trừ công nợ 3 bên với Công ty cổ phần đầu tư Chu Lai Hội An và Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An về chi phí Khu đô thị Nội Rang	: 43.073.236.000

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Trả lãi vay cá nhân cho bà Nguyễn Thị Phóng – mẹ vợ ông Lương Minh Tuấn	17.033.333	85.166.665
Trả nợ tiền vay bà Nguyễn Thị Phóng	1.000.000.000	
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Lương Minh Tuấn	271.740.000	271.740.000
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Phạm Kim Châu	117.600.000	117.600.000
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Lê Ngọc Cương – em trai ông Lê Ngọc Hòa	44.100.000	44.100.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Phí mượn tài sản đảm bảo cho bà Lương Thị Lan – chị gái ông Lương Minh Tuấn	46.200.000	51.856.192
Trả nợ ông Lương Tuấn Minh - anh trai ông Lương Minh Tuấn	32.397.397.900	48.570.660.181

### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Lương Minh Tuấn và ông Phạm Kim Châu dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 18.540.000.000 VND (xem thuyết minh số V.17a).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Tiền lương	1.680.417.883	1.429.618.388	5.924.826.426	5.215.743.143
Tiền thưởng	91.080.000	78.375.000	112.080.000	96.375.000
<b>Cộng</b>	<b>1.771.497.883</b>	<b>1.438.618.388</b>	<b>6.036.906.426</b>	<b>5.312.118.143</b>

### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

#### **Bên liên quan khác**

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Sông Bung	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Công ty con

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Xem thuyết minh số V.2c.

### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.12 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## **2. Thông tin về bộ phận**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, bán vật tư, cho thuê thiết bị và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm Công ty cung cấp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh KD bất động sản</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.768.075.044.238	149.006.995.581	50.907.143.456	1.967.989.183.275
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>1.768.075.044.238</u></b>	<b><u>149.006.995.581</u></b>	<b><u>50.907.143.456</u></b>	<b><u>1.967.989.183.275</u></b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>278.200.096.067</u>	<u>17.947.549.581</u>	<u>2.346.623.711</u>	298.494.269.359
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(47.442.915.437)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				<u>251.051.353.922</u>
Doanh thu hoạt động tài chính				25.718.329.458
Chi phí tài chính				(56.363.173.741)
Thu nhập khác				14.315.342.186
Chi phí khác				(104.649.129)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(46.224.079.788)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b><u>188.393.122.908</u></b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b><u>32.855.980.252</u></b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b><u>38.382.785.227</u></b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.760.945.126.999	112.775.872.761	135.270.492.210	2.008.991.491.970
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>1.760.945.126.999</u></b>	<b><u>112.775.872.761</u></b>	<b><u>135.270.492.210</u></b>	<b><u>2.008.991.491.970</u></b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>193.683.275.569</u>	<u>4.987.500.000</u>	<u>7.322.071.443</u>	205.992.847.012



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Lĩnh KD bất động sản</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(34.158.139.048)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				171.834.707.964
Doanh thu hoạt động tài chính				32.306.942.636
Chi phí tài chính				(26.673.009.030)
Thu nhập khác				3.953.021.701
Chi phí khác				(169.436.284)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(32.950.325.093)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>148.301.901.894</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>40.217.526.124</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>39.705.309.535</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực KD bất động sản</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	914.451.720.303	133.428.916.600		1.047.880.636.903
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.141.408.480.006
<b>Tổng tài sản</b>				<b>2.189.289.116.909</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.351.634.308.965	33.615.000.000		1.385.249.308.965
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				69.544.153.321
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.454.793.462.286</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	969.037.956.145	69.347.566.811		1.038.385.522.956
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.022.893.701.696
<b>Tổng tài sản</b>				<b>2.061.279.224.652</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.288.693.280.537	71.250.000.000		1.359.943.280.537
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				101.233.480.800
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.461.176.761.337</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Thu

Phạm Quang Huy

Phạm Quang Bình

**ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37830856

Fax: 024.37830859

Mã số thuế: 0101218757

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

**Quý 4 Năm 2018**

*Hà Nội, tháng 01 năm 2019*



## **MỤC LỤC**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 4 Năm 2018**

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.37830856

Fax: 024.37830859

Mã số thuế : 0101218757

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.638.998.287.822</b>	<b>1.713.144.610.245</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>591.828.371.993</b>	<b>692.034.276.447</b>
1. Tiền	111		201.464.327.372	394.759.496.921
2. Các khoản tương đương tiền	112		390.364.044.621	297.274.779.526
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>235.442.500</b>	<b>235.442.500</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	205.442.500	205.442.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	30.000.000	30.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>749.244.084.591</b>	<b>784.700.294.576</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	601.849.754.260	719.713.785.919
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	79.349.084.259	38.482.061.567
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	68.045.246.072	26.504.447.090
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>247.428.402.245</b>	<b>169.776.160.689</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	247.428.402.245	169.776.160.689
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>50.261.986.493</b>	<b>66.398.436.033</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.181.427.269	870.191.713
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		49.080.559.224	65.528.244.320
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.007.479.189.523</b>	<b>2.233.688.322.665</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>37.589.485.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	37.500.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	89.485.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.401.559.882.309</b>	<b>612.920.494.266</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.399.765.452.709	612.412.540.666
<i>Nguyên giá</i>	222		2.795.591.480.215	929.835.717.027
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(395.826.027.506)	(317.423.176.361)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.794.429.600	507.953.600
<i>Nguyên giá</i>	228		1.988.897.690	564.953.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(194.468.090)	(57.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>511.157.151.984</b>	<b>1.582.419.089.034</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	511.157.151.984	1.582.419.089.034
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.027.656.000</b>	<b>2.347.656.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.047.656.000	2.047.656.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.980.000.000	300.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>53.145.014.230</b>	<b>36.001.083.365</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	23.614.762.181	23.608.768.420
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20a	29.530.252.049	12.392.314.945
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.646.477.477.345</b>	<b>3.946.832.932.910</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			(31/12/2018)	(01/01/2018)
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.609.836.899.713</b>	<b>3.066.222.311.283</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.689.028.864.501</b>	<b>1.535.301.997.480</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	272.863.024.074	450.522.472.383
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	493.345.215.570	214.469.649.885
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	29.769.983.152	39.333.442.372
4. Phải trả người lao động	314		16.547.728.824	21.616.918.359
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	70.307.464.123	96.769.619.966
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		200.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	57.089.884.466	84.222.605.044
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	706.242.082.335	582.135.995.823
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18a	10.344.446.831	14.764.655.519
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	32.319.035.126	31.466.638.129
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.920.808.035.212</b>	<b>1.530.920.313.803</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	45.626.005.021	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	1.862.885.394.145	1.508.279.230.926
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20b	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18b	12.296.636.046	22.641.082.877
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.036.640.577.632</b>	<b>880.610.621.627</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.036.640.577.632</b>	<b>880.610.621.627</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		299.999.620.000	118.577.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.21	299.999.620.000	118.577.380.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	49.341.290.000	49.341.290.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	46.985.564.994	44.333.135.785
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	500.000.000	500.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	326.874.458.622	428.920.973.035
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		218.193.905.018	428.920.973.035
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		108.680.553.604	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	312.939.644.016	238.937.842.807
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.646.477.477.345</b>	<b>3.946.832.932.910</b>

Người lập biểu



Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Bình



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 năm 2018

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Đơn vị tính: VND
				Năm nay	Năm trước		
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	654.895.596.218	702.296.371.417	1.572.626.987.410	1.410.358.511.627
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02					-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	654.895.596.218	702.296.371.417	1.572.626.987.410	1.410.358.511.627
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	498.687.361.809	586.470.190.962	1.221.185.872.993	1.101.677.026.159
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		156.208.234.409	115.826.180.456	351.441.114.417	308.681.485.468
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.923.049.776	3.098.687.163	11.734.515.668	8.669.591.323
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	76.357.074.175	14.084.043.022	130.171.295.112	56.031.839.110
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		75.383.398.574	13.494.479.719	128.571.888.063	55.294.049.891
8.	Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24				-	-
9.	Chi phí bán hàng	25				-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	19.957.737.585	13.783.258.077	58.345.400.117	45.424.184.332
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.816.472.425	91.057.566.520	174.658.934.856	215.895.053.349
12.	Thu nhập khác	31	VI.6	5.895.879.734	551.744.130	14.317.220.686	4.606.419.310
13.	Chi phí khác	32	VI.7	38.375.044	-	135.227.431	210.018.843
14.	Lợi nhuận khác	40		5.857.504.690	551.744.130	14.181.993.255	4.396.400.467
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		69.673.977.115	91.609.310.650	188.840.928.111	220.291.453.816
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	24.883.275.194	17.448.186.062	48.042.931.529	35.055.814.463
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(11.420.665.467)	(3.082.447.971)	(17.137.937.104)	(5.875.033.888)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.211.367.388	77.243.572.559	157.935.933.686	191.110.673.241
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		53.392.707.709	67.202.128.538	138.686.808.508	157.646.796.316
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.818.659.679	10.041.444.021	19.249.125.178	33.463.876.925
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.744	2.227	4.497	5.277
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.744	2.227	4.497	5.277

Người lập biểu

Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng

Phạm Quang Huy



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		188.840.928.111	220.291.453.816
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	93.346.028.854	65.052.274.505
- Các khoản dự phòng	03		(14.764.655.519)	(4.623.358.696)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.740.709.835)	(13.373.704.956)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	128.571.888.063	55.294.049.891
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		384.253.479.674	322.640.714.560
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		51.727.698.282	(274.931.288.494)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(77.652.241.556)	71.360.948.458
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		173.442.185.116	13.320.876.998
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(317.229.317)	4.924.043.190
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(118.313.722.772)	(63.930.714.937)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(56.425.529.803)	(25.075.190.674)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(3.479.449.085)	(5.767.237.952)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>353.235.190.539</b>	<b>42.542.151.149</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(946.298.033.563)	(899.756.245.917)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	2.504.727.272	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.180.000.000)	(300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	-	(759.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.044.931.167	7.769.635.877
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(971.928.375.124)</b>	<b>(893.045.610.040)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		63.775.000.000	156.144.550.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.488.590.255.614	1.742.459.253.935
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.009.878.005.883)	(801.412.051.178)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18	(23.999.969.600)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>518.487.280.131</b>	<b>1.097.191.752.757</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(100.205.904.454)</b>	<b>246.688.293.866</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	V.1	<b>692.034.276.447</b>	<b>445.345.982.581</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.1	<b>591.828.371.993</b>	<b>692.034.276.447</b>

Người lập biểu



Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Bình

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mỹ Đình, Đ. Phạm Hùng, P. Mỹ Đình, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ:** Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3. **Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. **Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### *Thông tin về cấu trúc Tập đoàn*

#### *Danh sách các công ty con được hợp nhất*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Bung	Thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh điện năng, XD các công trình giao thông	61,32%	61,32%	61,32%	61,32%
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	Số 51-53, Đường số 16, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần 30 – 4 Quảng Ngãi	Lô N1.1-14, KĐT An Phú Sinh, đường Đinh Tiên Hoàng, P. Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện, sản xuất truyền tải và phân phối điện	67,5%	67,5%	67,5%	67,5%
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Khu tái định cư Tân Thịnh – Tân Mỹ, phường Cẩm An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở	80%	80%	80%	80%

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **7. Nhân viên**

Tại ngày 31/12/2018 Tập đoàn có 530 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm (01/01/2018) là 631 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí} \\ \text{SXKD phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Doanh thu phát sinh trong kỳ} + \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

*Trong đó:*

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Khối lượng kiểm kê dở dang} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá trúng} \\ \text{thầu} \end{array}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8
Tài sản cố định khác	3 – 4

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **13. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 5% doanh thu của các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

#### **14. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và của phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

### **17. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **19. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
Tiền mặt	4.528.250.564	1.579.848.305
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	196.936.076.808	393.179.648.616
Các khoản tương đương tiền (là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	390.364.044.621	297.274.779.526
<b>Cộng</b>	<b>591.828.371.993</b>	<b>692.034.276.447</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ (31/12/2018)			Số đầu năm (01/01/2018)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (11.607 cổ phiếu)	205.442.500	399.280.800		205.442.500	295.978.500	

**2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ (31/12/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>1.980.000.000</b>	<b>1.980.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
Trái phiếu(*)	1.980.000.000	1.980.000.000	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.010.000.000</b>	<b>2.010.000.000</b>	<b>330.000.000</b>	<b>330.000.000</b>

(\*) Là khoản trái phiếu gồm: Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành ngày 14/12/2017, tổng mệnh giá 300.000.000VND. Kỳ hạn trái phiếu là 10 năm với lãi suất có điều chỉnh định kì và xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,2%/ năm và Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ngày 28/12/2018, tổng mệnh giá 1.680.000.000VND. Kỳ hạn trái phiếu là 8 năm với lãi suất có điều chỉnh định kì và xác định bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng TMCP lớn nhất tham chiếu +0,8%/ năm. Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ.

**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ (31/12/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai <sup>(0)</sup>	2.047.656.000		2.047.656.000	
<b>Cộng</b>	<b>2.047.656.000</b>		<b>2.047.656.000</b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<sup>(1)</sup> Tại ngày 31/12/2018, Công ty nắm giữ 255.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai, tương đương 0,4% vốn điều lệ (Tại ngày 01/01/2018 là 255.900 cổ phiếu) (Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600990139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 21/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/01/2017 Vốn điều lệ là 648.778.000.000 đồng).

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>601.849.754.260</b>	<b>719.713.785.919</b>
Ban quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai (*)	166.574.854.000	253.533.142.000
Công ty TNHH B.O.T Quốc lộ 1 Sóc Trăng	42.343.975.568	79.833.975.568
Các khách hàng khác	392.930.924.692	386.346.668.351
<b>Cộng</b>	<b>601.849.754.260</b>	<b>719.713.785.919</b>

(\*) Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại, sẽ được hoàn trả bằng quỹ đất theo hình thức đổi đất lấy cơ sở hạ tầng. Quỹ đất được hoàn trả gồm Khu đô thị Đồng Nà (Bến Trẽ), thành phố Hội An: 6ha; Khu đô thị Võng Nhi, thành phố Hội An: 15ha; Khu đô thị Cồn Tiến, thành phố Hội An: 30ha; Khu đô thị Nồi Rang, huyện Duy Xuyên: 25ha; Khu đô thị ven biển xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam: 230ha. Trong năm 2018, đã hoàn trả và làm thủ tục đổi trừ giá trị quyền sử dụng đất của Khu đô thị Võng Nhi.

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>79.349.084.259</b>	<b>38.482.061.567</b>
Công ty TNHH Xây dựng Phú Vinh	47.893.042.000	
Các nhà cung cấp khác	31.456.042.259	38.482.061.567
<b>Cộng</b>	<b>79.349.084.259</b>	<b>38.482.061.567</b>

### 5. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>37.500.000.000</b>	
Công ty cổ phần đầu tư Phương Nam(*)	37.500.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>37.500.000.000</b>	

(\*) Khoản cho Công ty Cổ phần đầu tư Phương Nam vay, số tiền 37.500.000.000 VND với lãi suất 9%/năm. Thời hạn vay tối đa là 8 năm kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2018. Khoản vay được đảm bảo bằng 3.800.000 cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư Phương Nam của ông Nguyễn Văn Phương



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ (31/12/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Tạm ứng	68.045.246.072		26.504.447.090	
Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm	49.133.328.137		25.454.373.401	
Phải thu về cổ tức được chia	558.022.791		473.569.079	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác			108.000.000	
	18.353.895.144		468.504.610	
<b>Cộng</b>	<b>68.045.246.072</b>		<b>26.504.447.090</b>	

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Ký cược, ký quỹ	89.485.000	
<b>Cộng</b>	<b>89.485.000</b>	

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ (31/12/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu				
Công cụ, dụng cụ	40.916.000		144.104.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang <sup>(*)</sup>	247.387.486.245		169.632.056.689	
<b>Cộng</b>	<b>247.428.402.245</b>		<b>169.776.160.689</b>	

(\*) Chi tiết từng công trình như sau:

Công trình	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm
Dự án Nam Quảng Nam (Hội An)	85.136.837.484	28.011.540.988
DA quốc lộ 10_Hải Phòng (cầu Niệm 2)	22.878.138.298	12.911.634.139
Đường trung tâm đoạn 3, Bãi Trường, Phú Quốc	21.407.693.247	6.726.954.154
Cầu Đê Vĩng	13.772.924.698	10.077.222.876
Đường khu đô thị Thủ Thiêm	10.219.182.967	
Cầu số 19 - Khu đô thị mới Thủ Thiêm	9.842.032.317	
Đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại (gói 3.5A Cửa Đại)	4.780.613.493	14.933.540.625
Dự án đường Ô tô Trường Hải	4.053.259.282	692.997.089
Kênh dẫn phụ và đường ĐH83 DA thủy điện Sơn Trà	3.763.435.241	
Đường BT Chu Văn An	3.025.051.447	2.127.723.456
Công trình cầu Văn Úc - Hải Phòng	2.955.780.212	431.343.069

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<b>Công trình</b>	<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>Số đầu năm</b>
Gói 84 Cầu Vĩnh Long	2.805.858.978	110.342.000
Xây dựng hầm chui An Sương	2.671.736.332	291.485.346
Nút giao Nam cầu Bính, Hải Phòng	2.560.331.290	
Cầu Tân An, tỉnh Long An	2.322.024.094	
Các công trình khác	55.192.586.865	93.317.272.947
<b>Cộng</b>	<b>247.387.486.245</b>	<b>169.632.056.689</b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	134.644.123	386.981.581
Chi phí bảo hiểm	282.648.532	465.072.055
Chi phí thuê nhà	226.720.500	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	537.414.114	18.138.077
<b>Cộng</b>	<b>1.181.427.269</b>	<b>870.191.713</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	7.545.131.447	18.926.161.863
Chi phí bảo hiểm	149.008.295	
Chi phí sửa chữa	2.717.405.637	2.419.740.224
Các chi phí trả trước dài hạn khác	13.203.216.802	2.262.866.333
<b>Cộng</b>	<b>23.614.762.181</b>	<b>23.608.768.420</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm (01/01/2018)	377.021.784.379	475.372.172.641	69.828.506.188	667.562.578	6.945.691.241	929.835.717.027
Mua trong năm	323.147.382	6.437.904.181	1.826.573.487	416.962.727	1.096.882.182	10.101.469.959
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.190.600.223.142	676.249.884.565	-	-	-	1.866.850.107.707
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.811.175.134)	(4.384.639.344)	-	-	(11.195.814.478)
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>1.567.945.154.903</b>	<b>1.151.248.786.253</b>	<b>67.270.440.331</b>	<b>1.084.525.305</b>	<b>8.042.573.423</b>	<b>2.795.591.480.215</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	478.825.050	71.280.086.347	15.734.180.133	346.355.396	1.767.727.607	89.607.174.533
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm (01/01/2018)	59.877.280.392	208.464.865.852	44.240.327.604	563.446.252	4.277.256.261	317.423.176.361
Khấu hao trong năm	26.131.500.734	55.656.085.268	9.687.819.896	109.522.897	1.623.631.969	93.208.560.764
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.946.515.908)	(4.859.193.711)	-	-	(14.805.709.619)
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>86.008.781.126</b>	<b>254.174.435.212</b>	<b>49.068.953.789</b>	<b>672.969.149</b>	<b>5.900.888.230</b>	<b>395.826.027.506</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm (01/01/2018)	317.144.503.987	266.907.306.789	25.588.178.584	104.116.326	2.668.434.980	612.412.540.666
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>1.481.936.373.777</b>	<b>897.074.351.041</b>	<b>18.201.486.542</b>	<b>411.556.156</b>	<b>2.141.685.193</b>	<b>2.399.765.452.709</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 2.722.681.588.139 VND và 2.455.618.254.407 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm và của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Chương trình phần mềm</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm (01/01/2018)	57.000.000	507.953.600	564.953.600
Tăng trong năm	1.423.944.090	-	1.423.944.090
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>1.480.944.090</b>	<b>507.953.600</b>	<b>1.988.897.690</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	57.000.000	-	57.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm (01/01/2018)	57.000.000	-	57.000.000
Tăng trong năm	137.468.090	-	137.468.090
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>194.468.090</b>	<b>-</b>	<b>194.468.090</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm (01/01/2018)	-	507.953.600	507.953.600
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>1.286.476.000</b>	<b>507.953.600</b>	<b>1.794.429.600</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>	<b>Chi phí phát sinh trong năm</b>	<b>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	530.427.781	1.610.855.891	(2.141.283.672)	-
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	1.581.888.661.253	797.324.928.154	(1.868.056.437.423)	511.157.151.984
Công trình thủy điện Sơn Trà	1.457.618.531.416	415.510.430.286	(1.864.154.794.387)	8.974.167.315
Dự án Khu đô thị Đồng Nà, Võng Nhi, Nồi Rang	120.691.634.183	381.491.350.486	-	502.182.984.669
Các dự án khác	3.578.495.654	323.147.382	(3.901.643.036)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.582.419.089.034</b>	<b>798.935.784.045</b>	<b>(1.870.197.721.095)</b>	<b>511.157.151.984</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		32.397.397.900
Ông Lương Tuấn Minh		32.397.397.900
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	272.863.024.074	418.125.074.483
Voith Hydro Ltd..	34.278.112.486	163.996.639.624
Các nhà cung cấp khác	238.584.911.588	254.128.434.859
<b>Cộng</b>	<b>272.863.024.074</b>	<b>450.522.472.383</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	493.345.215.570	214.469.649.885
Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam	336.950.590.000	
Các khách hàng khác	156.394.625.570	214.469.649.885
<b>Cộng</b>	<b>493.345.215.570</b>	<b>214.469.649.885</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.170.910.005	-	45.954.283.848	(46.837.435.545)	4.287.758.308	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-		17.285.097.099	(17.285.097.099)	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.370.241.389		48.042.931.529	(56.425.529.803)	21.987.643.115	
Thuế thu nhập cá nhân	2.233.681.795		5.275.919.407	(7.140.313.242)	369.287.960	
Thuế tài nguyên	1.327.560.708		12.673.448.366	(10.913.022.097)	3.087.986.977	
Các loại thuế khác	18.309.725		2.990.685.175	(3.008.994.900)	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	212.738.750	-	1.865.689.542	(2.041.121.500)	37.306.792	-
<b>Cộng</b>	<b>39.333.442.372</b>	<b>-</b>	<b>134.088.054.966</b>	<b>(143.651.514.186)</b>	<b>29.769.983.152</b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%, riêng hoạt động thủy điện thuế suất 10%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức khác</i>	70.307.464.123	96.769.619.966
Trích trước chi phí dự án	2.224.726.526	1.914.491.193
Tạm trích giá vốn dự án bất động sản đầu tư (*)	33.615.000.000	71.250.000.000
Dự trả chi phí lãi vay	31.611.744.065	21.913.395.440
Dự trả lãi trái phiếu	2.251.549.999	1.691.733.333
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	604.443.533	
<b>Cộng</b>	<b>70.307.464.123</b>	<b>96.769.619.966</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (\*) Tạm tính giá đất thô Khu đô thị Đồng Nà và Khu đô thị Nội Rang theo giá đất tại hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đã được duyệt khi thực hiện dự án xây dựng – chuyển giao cầu Đé Vông.

### 16. Phải trả ngắn hạn khác

#### 16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>(31/12/2018)</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(01/01/2018)</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>57.089.884.466</b>	<b>84.222.605.044</b>
Kinh phí công đoàn	1.550.174.783	1.180.439.899
BHXH, BHYT, BHTN	109.113.767	119.325.586
Thuế TNCN phải trả lại người lao động	1.565.398.259	1.542.958.584
Phải trả các cá nhân về chi phí công trình	536.917.299	793.450.335
Công ty Cổ phần Đầu tư Chu Lai Hội An - Hợp tác kinh doanh (*)	-	40.027.383.000
Phải trả cho Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	20.186.292.000	20.070.000.000
Cổ tức phải trả	29.999.962.000	17.786.607.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.142.026.358	2.702.440.640
<b>Cộng</b>	<b><u>57.089.884.466</u></b>	<b><u>84.222.605.044</u></b>

#### 16b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Chu Lai Hội An về tiền góp vốn hợp tác kinh doanh đầu tư khu đô thị Nội Rang.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02B/HĐHTĐT ngày 24 tháng 11 năm 2016 và Phụ lục ngày 20 tháng 02 năm 2017, Công ty Cổ phần Đạt Phương nhận vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Chu Lai Hội An để tiến tới ký kết hợp đồng chuyển nhượng Dự án khu đô thị Nội Rang, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam cho Công ty Cổ phần Đầu tư Chu Lai Hội An (sau khi dự án đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật).

Ngày 27 tháng 01 năm 2018, Công ty Cổ phần Đạt Phương đã ký thỏa thuận về việc chuyển giao quyền, lợi ích và nghĩa vụ pháp lý của dự án Khu đô thị Nội Rang cho Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An để Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An thực hiện tiếp hợp đồng số 02B/HĐHTĐT ngày 24 tháng 11 năm 2016 và Phụ lục ngày 20 tháng 02 năm 2017 với Công ty cổ phần Đầu tư Chu Lai Hội An.

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17. Vay ngắn hạn/dài hạn****17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>(31/12/2018)</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(01/01/2018)</u>
<i>Vay các bên liên quan</i>		<b>1.000.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Phóng		1.000.000.000
<i>Vay ngân hàng</i>	<b>467.097.590.655</b>	<b>507.595.229.899</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thăng Long <sup>(i)</sup>	249.381.485.442	232.567.102.517
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(ii)</sup>	217.716.105.213	259.680.367.424
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP HCM	-	15.347.759.958
<i>Vay tổ chức, cá nhân khác</i>	<b>45.000.000.000</b>	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<b>194.144.491.680</b>	<b>73.540.765.924</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>706.242.082.335</u></b>	<b><u>582.135.995.823</u></b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài sản của các cá nhân có ký hợp đồng cho mượn tài sản để cầm cố.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ. Khoản vay này không cần tài sản đảm bảo.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u> <u>(01/01/2018)</u>	<u>Số tiền vay phát</u> <u>sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ</u> <u>vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả</u> <u>trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u> <u>(31/12/2018)</u>
Vay bên liên quan	1.000.000.000			(1.000.000.000)	-
Vay ngân hàng	507.595.229.899	770.404.996.535		(810.902.635.779)	467.097.590.655
Vay tổ chức, cá nhân khác	-	45.000.000.000		-	45.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	73.540.765.924		194.144.491.680	(73.540.765.924)	194.144.491.680
<b>Cộng</b>	<b><u>582.135.995.823</u></b>	<b><u>815.404.996.535</u></b>	<b><u>194.144.491.680</u></b>	<b><u>(885.443.401.703)</u></b>	<b><u>706.242.082.335</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<b>Vay bên liên quan</b>		
<b>Vay Ngân hàng</b>	<b>1.734.829.007.312</b>	<b>1.271.514.062.405</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long (i)	2.182.817.500	2.216.686.680
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12(ii)	1.565.081.442.744	1.251.450.005.725
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long (iii)	1.164.000.000	2.708.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm (iv)	6.835.790.000	15.139.370.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 (v)	159.564.957.068	
<b>Trái phiếu thường dài hạn (vi)</b>	<b>128.056.386.833</b>	<b>236.765.168.521</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.862.885.394.145</b>	<b>1.508.279.230.926</b>

- (i) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 1 đến 6 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12, TP. Hồ Chí Minh bao gồm:  
Hợp đồng tín dụng số 42/2011-HĐTD/CN12 ngày 06/7/2011 để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Sông Bung 6 với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 11 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 2 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ các công trình, máy móc, thiết bị và các tài sản khác liên quan đến dự án hình thành từ vốn vay, bao gồm:  
- Toàn bộ các công trình thuộc dự án nhà máy thủy điện Sông Bung 6.  
- Toàn bộ máy móc thiết bị cơ khí thủy công, phương tiện vận tải liên quan đến dự án.  
- Giá trị các bất động sản, động sản khác, các tài khoản, các quyền tài sản và các quyền theo hợp đồng khác.  
  
Hợp đồng tín dụng số 35/2015-HĐTDDA/NHCT944-CT 30-4 Quảng Ngãi ngày 15/6/2015 để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Sơn Trà 1A và 1B với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 186 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 42 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ các tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay. Ngoài ra còn áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của nhà máy thủy điện Sơn Trà 1A và 1B.
- (iii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cộng với lãi suất biên từ 3,2% đến 4,5%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần hoặc khi có sự thay đổi lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 48 tháng và 60 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng hoặc 24 tháng cộng với lãi suất biên từ 2,9% đến 3%. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (v) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 05 năm, mệnh giá 1.000.000.000 VND, lãi suất 7,8% đối với năm đầu, các năm sau lãi suất thả nổi, được phát hành cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10 TP Hồ Chí Minh để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty và thanh toán đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 (cầu Đê Vông) trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại theo hình thức xây dựng- chuyển giao (BT). Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BT. Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 239.000.000.000 VND. Chi phí phát hành trái phiếu là 2.390.000.000 VND. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện mua lại trái phiếu mệnh giá 110.000.000.000 đồng. Chi phí phát hành trái phiếu đã được phân bổ vào trong kỳ là 837.773.957 VND.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh 10 TP HCM theo hợp đồng vay số: 01/2018-HĐCVĐADT/NHCT940-ĐPHA để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị Vông Nhi. với lãi suất vay thả nổi được điều chỉnh 01 tháng 1 lần, thời hạn vay là 48 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	1.928.973.498.992	194.144.491.680	787.450.364.525	947.378.642.787
Trái phiếu thường	128.056.386.833		128.056.386.833	
<b>Cộng</b>	<b>2.057.029.885.825</b>	<b>194.144.491.680</b>	<b>1.043.563.138.191</b>	<b>947.378.642.787</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Số đầu năm (01/01/2018)</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Chuyển sang vay ngắn hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ (31/12/2018)</u>
Vay dài hạn ngân hàng	1.271.514.062.405	658.249.549.087	(194.934.604.180)	-	1.734.829.007.312
Trái phiếu thường	236.765.168.521	1.291.218.312	-	(110.000.000.000)	128.056.386.833
<b>Cộng</b>	<b>1.508.279.230.926</b>	<b>664.093.922.399</b>	<b>(194.934.604.180)</b>	<b>(110.000.000.000)</b>	<b>1.862.885.394.145</b>

### 18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn

#### 18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến Dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm (01/01/2018)	14.764.655.519
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	10.344.446.831
Số sử dụng	(891.221.502)
Số hoàn nhập	(13.873.434.017)
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>10.344.446.831</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn liên quan đến Dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm (01/01/2018)	22.641.082.877
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(10.344.446.831)
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>12.296.636.046</b>

### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm (01/01/2018)	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ (31/12/2018)
Quỹ khen thưởng	15.615.328.886	1.736.514.175	(2.774.478.948)	14.577.364.113
Quỹ phúc lợi	15.851.309.243	2.595.331.907	(704.970.137)	17.741.671.013
<b>Cộng</b>	<b>31.466.638.129</b>	<b>4.331.846.082</b>	<b>(3.479.449.085)</b>	<b>32.319.035.126</b>

### 20. Thuế thu nhập hoãn lại

#### 20a. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Tập đoàn liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm (01/01/2018)	12.392.314.945	8.488.525.223
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	17.137.937.104	5.875.033.888
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(1.971.244.166)
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>29.530.252.049</b>	<b>12.392.314.945</b>

#### 20b. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm (01/01/2018)	-	1.971.244.166
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-	-
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(1.971.244.166)
<b>Số cuối kỳ (31/12/2018)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	65.876.520.000	60.000.000	35.716.201.190	500.000.000	332.152.726.691	434.305.447.881
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	32.938.260.000	49.281.290.000				82.219.550.000
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức năm trước	19.762.600.000		1.201.839.500		(19.762.600.000)	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước					(3.882.890.201)	(2.681.050.701)
Lợi nhuận năm nay			7.415.095.095		157.646.796.316	157.646.796.316
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay					(19.446.452.771)	(12.031.357.676)
Chi cổ tức từ lợi nhuận năm nay					(17.786.607.000)	(17.786.607.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>118.577.380.000</b>	<b>49.341.290.000</b>	<b>44.333.135.785</b>	<b>500.000.000</b>	<b>428.920.973.035</b>	<b>641.672.778.820</b>
Số dư đầu năm (01/01/2018)	118.577.380.000	49.341.290.000	44.333.135.785	500.000.000	428.920.973.035	641.672.778.820
Trả cổ tức bằng cổ phiếu *	181.422.240.000	-			(181.422.240.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm trước					(23.999.969.600)	(23.999.969.600)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước			2.652.429.209		(5.304.858.417)	(2.652.429.208)
Lợi nhuận kỳ này					138.686.808.508	138.686.808.508
<b>Số dư cuối kỳ này (30/09/2018)</b>	<b>299.999.620.000</b>	<b>49.341.290.000</b>	<b>46.985.564.994</b>	<b>500.000.000</b>	<b>326.874.458.622</b>	<b>723.700.933.616</b>

<sup>(\*)</sup> Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2018/NQ-ĐP-DHĐCĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận với tỷ lệ 153%, tương đương với số tiền là 181,422,240,000 VND. Số lượng cổ phiếu phát hành cho từng cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Kết thúc đợt phát hành cổ phiếu, Công ty đã phân phối được 18.142.224 cổ phiếu nâng số lượng cổ phiếu lưu hành lên 29.999.962 cổ phiếu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 21b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.999.962	11.857.738
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.999.962	11.857.738
- Cổ phiếu phổ thông	29.999.962	11.857.738
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.999.962	11.857.738
- Cổ phiếu phổ thông	29.999.962	11.857.738
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 21c. Phân phối lợi nhuận

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2018/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 4 năm 2018 thông qua việc chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 23% mệnh giá. Trong đó: đã tạm ứng đợt 1 là 17.786.607.000 đồng tương ứng 15% vào quý 1 năm 2018, chi trả đợt 2 là 23.999.696.600 đồng tương ứng 8% vào quý 2 năm 2018. Công ty đã thực hiện chi trả đầy đủ cho cổ đông theo Nghị quyết.

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2018/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 04 năm 2018 thông qua việc dự kiến chi cổ tức năm 2018 từ 15% đến 20% mệnh giá. Theo đó: Ngày 03/12/2018 Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 56/NQ-ĐP-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 là 10% mệnh giá tương đương: 29.999.962.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi tạm ứng cổ tức này vào tháng 1 năm 2019 theo Nghị quyết.

### 22. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm (01/01/2018)	238.937.842.807	146.702.230.381
Tăng/(giảm) vốn đầu tư của CĐKKS	63.775.000.000	73.925.000.000
Lợi nhuận năm nay thuộc về CĐKKS	19.249.125.178	33.463.876.925
Phân phối lợi nhuận thuộc CĐKKS	(9.022.323.969)	(15.153.264.499)
Số cuối kỳ (31/12/2018)	312.939.644.016	238.937.842.807

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Doanh thu hợp đồng xây dựng	557.863.086.275	662.506.265.685	1.366.419.948.917	1.269.381.207.903
Doanh thu bán điện thương phẩm	95.535.119.914	39.691.742.096	186.016.324.208	140.653.708.270
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư		-	18.007.574.166	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.497.390.029	98.363.636	2.183.140.119	323.595.454
<b>Cộng</b>	<b>654.895.596.218</b>	<b>702.296.371.417</b>	<b>1.572.626.987.410</b>	<b>1.410.358.511.627</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 1a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4 năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	464.929.265.714	578.381.023.476	1.139.948.669.074	1.070.712.043.703
Giá vốn bán điện thương phẩm	33.571.559.475	8.072.928.773	64.532.766.288	30.766.305.970
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã bán		-	16.517.901.011	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	186.536.620	16.238.713	186.536.620	198.676.486
<b>Cộng</b>	<b><u>498.687.361.809</u></b>	<b><u>586.470.190.962</u></b>	<b><u>1.221.185.872.993</u></b>	<b><u>1.101.677.026.159</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4 năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.862.462.666	2.982.545.597	11.193.897.623	8.009.214.106
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	36.447.911		300.478.846	318.369.701
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	23.700.000	-	23.700.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	116.124.900	216.000.000	341.990.850
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	439.199	16.666	439.199	16.666
<b>Cộng</b>	<b><u>3.923.049.776</u></b>	<b><u>3.098.687.163</u></b>	<b><u>11.734.515.668</u></b>	<b><u>8.669.591.323</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Chi phí lãi vay	75.383.398.574	13.494.479.719	128.571.888.063	55.294.049.891
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-		7.605.000	
Chi phí mượn tài sản mang đi thế chấp	271.803.288	589.563.303	539.175.000	737.789.219
Chi phí tài chính khác	701.872.313		1.052.627.049	-
<b>Cộng</b>	<b><u>76.357.074.175</u></b>	<b><u>14.084.043.022</u></b>	<b><u>130.171.295.112</u></b>	<b><u>56.031.839.110</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Chi phí cho nhân viên	11.493.827.175	10.015.594.840	32.369.048.091	27.250.697.005
Chi phí vật liệu quản lý	84.097.221		261.039.168	308.385.278
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.149.751.633	512.319.792	1.577.621.874	745.190.720
Chi phí khấu hao TSCĐ	502.137.833		2.393.366.015	1.584.988.471
Thuế, phí và lệ phí	307.142.227		335.181.927	173.684.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.014.582.975	2.037.780.944	19.498.140.261	12.439.928.946
Các chi phí khác	406.198.521	1.217.562.501	1.911.002.781	2.921.309.686
<b>Cộng</b>	<b>19.957.737.585</b>	<b>13.783.258.077</b>	<b>58.345.400.117</b>	<b>45.424.184.332</b>

**6. Thu nhập khác**

	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Thu từ thanh lý TSCĐ	30.000.000		397.529.458	35.000.000
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	5.858.171.383	550.121.032	13.873.434.017	4.569.085.787
Thu nhập khác	7.708.351	1.623.098	46.257.211	2.333.523
<b>Cộng</b>	<b>5.895.879.734</b>	<b>551.744.130</b>	<b>14.317.220.686</b>	<b>4.606.419.310</b>

**7. Chi phí khác**

	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Các khoản phạt				
Chi phí khác	38.375.044		135.227.431	210.018.843
<b>Cộng</b>	<b>38.375.044</b>		<b>135.227.431</b>	<b>210.018.843</b>

**8. Lãi trên cổ phiếu****Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ	53.392.707.709	67.202.128.538	138.686.808.508	157.646.796.316
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:			(3.767.862.458)	(12.198.563.200)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(1.067.854.154)	(5.824.984.343)	(3.767.862.458)	(12.198.563.200)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	52.324.853.555	61.377.144.195	134.918.946.050	145.448.233.116
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	29.999.962	27.563.433	29.999.962	27.563.433
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.744</b>	<b>2.227</b>	<b>4.497</b>	<b>5.277</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.976.651.884	234.261.402.710	553.146.446.316	442.002.516.676
Chi phí nhân công	23.826.693.594	75.898.737.209	72.325.077.700	125.311.477.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.646.398.289	16.973.778.771	93.346.028.854	65.207.995.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.243.229.545	264.784.357.588	567.827.566.193	495.588.947.572
Chi phí khác	1.157.116.063	8.335.172.760	13.557.203.105	18.990.273.532
<b>Cộng</b>	<b>366.850.089.375</b>	<b>600.253.449.038</b>	<b>1.300.202.322.168</b>	<b>1.147.101.210.491</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	VND
• Tăng vốn cổ phần bằng lợi nhuận	: 181.422.240.000

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Trả lãi vay cá nhân cho bà Nguyễn Thị Phóng – mẹ vợ ông Lương Minh Tuấn	17.033.333	85.166.665
Trả nợ tiền vay bà Nguyễn Thị Phóng	1.000.000.000	
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Lương Minh Tuấn	271.740.000	271.740.000
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Phạm Kim Châu	117.600.000	117.600.000
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Lê Ngọc Cường – em trai ông Lê Ngọc Hào	44.100.000	44.100.000
Phí mượn tài sản đảm bảo cho bà Lương Thị Lan – chị gái ông Lương Minh Tuấn	46.200.000	51.856.192
Trả nợ ông Lương Tuấn Minh - anh trai ông Lương Minh Tuấn	32.397.397.900	48.570.660.181

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Lương Minh Tuấn và ông Phạm Kim Châu dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 18.540.000.000 VND (xem thuyết minh số V.16a).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.11 và V.16.

### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<b>Quý 4 năm 2018</b>	<b>Quý 4 năm 2017</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</b>
Tiền lương	2.762.551.170	3.499.619.068	7.006.959.713	7.285.743.823
Tiền thưởng	91.080.000	78.375.000	112.080.000	96.375.000
<b>Cộng</b>	<b>2.853.631.170</b>	<b>3.577.994.068</b>	<b>7.119.039.713</b>	<b>7.382.118.823</b>

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm Tập đoàn cung cấp.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực sản xuất điện
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất điện</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.366.419.948.917	186.016.324.208	20.190.714.285	1.572.626.987.410
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.366.419.948.917</b>	<b>186.016.324.208</b>	<b>20.190.714.285</b>	<b>1.572.626.987.410</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	226.471.279.843	121.483.557.920	3.486.276.654	351.441.114.417
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(58.345.400.117)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				293.095.714.300
Doanh thu hoạt động tài chính				11.734.515.668
Chi phí tài chính				(130.171.295.112)
Thu nhập khác				14.317.220.686
Chi phí khác				(135.227.431)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(48.042.931.529)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				17.137.937.104
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>157.935.933.686</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>946.298.033.567</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>93.346.028.858</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.269.381.207.903	140.653.708.270	323.595.454	1.410.358.511.627
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.269.381.207.903</b>	<b>140.653.708.270</b>	<b>323.595.454</b>	<b>1.410.358.511.627</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	198.668.323.491	109.887.402.300	125.759.677	308.681.485.468
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(45.424.184.332)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				263.257.301.136
Doanh thu hoạt động tài chính				8.669.591.323
Chi phí tài chính				(56.031.839.110)
Thu nhập khác				4.606.419.310
Chi phí khác				(210.018.843)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(35.055.814.463)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				5.875.033.888
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>191.110.673.241</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>1.088.262.975.205</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>80.528.859.885</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Quý 4 năm 2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất			Cộng
	Lĩnh vực xây lắp	điện	Lĩnh vực khác	
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.082.500.719.716	2.489.420.085.569		3.571.920.805.285
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.074.556.672.060
<b>Tổng tài sản</b>				<b>4.646.477.477.345</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.373.338.952.867	1.767.618.435.635		3.140.957.388.502
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				468.879.511.211
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>3.609.836.899.713</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	448.659.855.101	1.992.023.015.148	120.691.634.183	2.561.374.504.432
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.385.458.428.478
<b>Tổng tài sản</b>				<b>3.946.832.932.910</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.579.132.701.654	1.251.450.005.725		2.830.582.707.379
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				239.965.157.082
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>3.070.547.864.461</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày 31/12/2018

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày 31/12/2018 cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng

Phạm Quang Huy

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẠT PHƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 34/ĐP-TCKT

V/v: Giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4.2018 của DPG

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019

**Kính gửi:**

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
- Quý cổ đông và các nhà đầu tư

Tên Tổ chức : Công ty cổ phần Đạt Phương  
Tên giao dịch : Công ty cổ phần Đạt Phương  
Trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
Điện thoại : 0243.7830856 Fax: 0243.7830859  
Mã chứng khoán : DPG  
Sàn giao dịch : HOSE

Công ty Cổ phần Đạt Phương xin giải trình về nguyên nhân chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2018 thay đổi so với quý 4 năm 2017 như sau:

**1. Trên Báo cáo công ty mẹ (Báo cáo riêng):**

Chỉ tiêu	Quý 4.2018	Quý 4.2017	Thay đổi (tăng)	
			Giá trị	Tỷ lệ %
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	92.555.266.453	72.812.304.289	19.742.962.164	27,11%

Nguyên nhân:

Do lợi nhuận gộp quý 4/2018 tăng thêm so với cùng kỳ năm trước kéo theo lợi nhuận sau thuế tăng. Ngoài ra, trong quý 4 năm 2018 công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng bảo hành xây lắp đã trích từ các năm trước với số tiền là 5,8 tỷ đồng (cùng kỳ năm trước số hoàn nhập dự phòng là 0)

**2. Trên Báo cáo Hợp nhất**

Chỉ tiêu	Quý 4.2018	Quý 4.2017	Thay đổi (giảm)	
			Giá trị	Tỷ lệ %
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.211.367.388	77.243.572.559	21.032.205.170	27,23%

Nguyên nhân:

Lợi nhuận trên Báo cáo công ty mẹ tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, lãi nội bộ do Công ty mẹ thi công các công trình cho các công ty con bị điều chỉnh giảm nhiều hơn so với cùng kỳ, tổng ảnh hưởng dẫn đến lợi nhuận hợp nhất giảm so với cùng kỳ.

Năm 2018 khu vực Miền Trung đón lượng mưa thấp hơn cùng kỳ năm 2017 dẫn đến kết quả sản xuất, kinh doanh điện thấp hơn so với cùng kỳ.

Trên đây là giải trình của Công ty về thay đổi của Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tại Báo cáo quý 4.2018.

Trân trọng!

**Nơi nhận**

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, VT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Tổng Giám đốc   
  
Phạm Quang Bình

